

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2018

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lịch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đàm Văn Dân

2. Bà: Phan Bích Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc " **Ly hôn** " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nông Thị X**; Sinh năm 1994; (Có mặt)

Địa chỉ: xóm K, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng

2. *Bị đơn:* Anh **Đàm Văn P**; Sinh năm 1989; (Có mặt)

Địa chỉ: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Nông Thị X trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đàm Văn P có địa chỉ tại xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng kết hôn vào ngày 17/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng hay ghen tuông, thường xuyên đi uống rượu và khi say rượu có đánh đập chị, chị X có nhắc nhở anh P vài lần nhưng anh vẫn không thay đổi, khắc phục. Quá trình mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, bạn bè và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2016, chị X đi làm xa, khi chị đau ốm, có thông tin cho anh nhưng anh P không có sự chia sẻ, động viên và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời điểm chị có đơn yêu cầu xin ly hôn, chị X xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Đàm Mông L, sinh ngày 08/5/2013. Hiện nay, con đang sống cùng với bố. Sau khi ly hôn sẽ giao con chung cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị X sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*)/tháng từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành và tự có trách nhiệm khác với con tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa bị đơn anh Đàm Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn với chị X đúng như chị X đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo anh P vợ chồng anh vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đôi lúc anh có đi uống rượu và khi say về có cãi nhau với vợ, nhưng anh không thừa nhận việc đánh vợ. Từ tháng 8/2016 anh P nhất trí cho vợ đi làm xa để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, từ đó vợ chồng sống xa nhau và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ đi làm xa có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay, anh P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị X, anh P yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Anh P thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Lưu Đàm Mông L, sinh ngày 08/5/2013. Hiện nay, con đang sống cùng với anh P. Trường hợp ly hôn, anh P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, nhất trí theo ý kiến của chị X về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Đàm Văn P. Bị

đơn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề nuôi con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, bị đơn anh Đàm Văn P không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị X, anh P yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Thị X kết hôn với anh Đàm Văn P, địa chỉ: xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển 02 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nay, chị X khởi kiện xin ly hôn với anh P, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị X và anh Đàm Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 17/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng, không có sự chia sẻ, gắn bó, cả hai cùng thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân cả hai vợ chồng đã không tạo điều kiện, cơ hội để cùng nhau xây dựng lại cuộc sống vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích, giải thích theo pháp luật về tình nghĩa vợ chồng, trách nhiệm của bản thân đối với gia đình để cố gắng hàn gắn hôn nhân cho hai anh chị nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh P không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ, quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được các bên cùng thừa nhận là được hai bên gia đình, bạn bè và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2016, chị X đi làm xa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét yêu cầu của chị X là có cơ sở bởi hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ nhau... nhưng chị X đã không nhận được từ anh P sự sẻ chia đó, do vậy mục đích hôn nhân đã không đạt được. Còn anh P cho rằng tình cảm quan hệ vợ chồng không có mâu thuẫn và cho rằng chị X có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh P cùng thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay; anh P không có giải pháp khắc phục để quan hệ hôn nhân được cải thiện như anh đã có yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng, không có chứng cứ xác thực chứng minh là chị

X đang có quan hệ với người đàn ông khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết. Do vậy cuộc hôn nhân giữa chị Nông Thị X và anh Đàm Văn P cần căn cứ Điều 51 “Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn”, Điều 56 “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

[3] Về con chung: Chị X và anh P có một con chung tên Lưu Đàm Mông L, sinh ngày 08/5/2013. Hiện nay, con đang ở với anh P tại xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Xét thỏa thuận của chị X và anh P tại buổi hòa giải ngày 01/12/2017 và tại phiên tòa hôm nay về việc sau khi ly hôn sẽ giao con chung cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị X sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành và tự có trách nhiệm khác với con tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mình là tự nguyện, không trái pháp luật cần được ghi nhận.

Căn cứ vào Điều 58 “Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn”; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Vì quyền lợi của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng con chung có thể thay đổi. Chị Nông Thị X được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị X và anh P đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị X đối với anh Đàm Văn P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh P chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị X và anh P về việc sau khi ly hôn giao con chung tên Lưu Đàm Mông L, sinh ngày 08/5/2013 cho anh Đàm Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành. Chị Nông Thị X được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành .

Vì quyền lợi của của con, việc trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh P cùng xác nhận không có tài sản chung và vay, nợ chung vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng, chị X phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02187 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An - Cao Bằng. Nay, chị X còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Hoà An;
- UBND xã B;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Lịch